

# CAO XUÂN DỤC - VỊ TỔNG TÀI QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN

NGUYỄN HỮU TÂM\*

**Tóm tắt:** Bài viết trình bày khái quát về Quốc sử quán triều Nguyễn và đóng góp của Cao Xuân Dục với trọng trách là Tổng tài Quốc sử quán. Theo tác giả bài viết, Cao Xuân Dục đã phụng sự hết lòng cho vương triều Nguyễn; đã góp phần đáng kể vào việc biên soạn bộ Đại Nam thực lục và các bộ sách khác như Đại Nam liệt truyện chính biên, Đại Nam nhất thống chí, Quốc triều hương khoa lục.

**Từ khóa:** Cao Xuân Dục, Quốc sử quán, Triều Nguyễn, Đại Nam.

## 1. Khái quát về Quốc sử quán triều Nguyễn

Triều Nguyễn (1802-1945) là triều đại phong kiến cuối cùng trong lịch sử dân tộc ta. Tính từ khi triều Nguyễn cáo chung đến nay (2013) mới được 68 năm. Tuy thời gian chưa dài, nhưng đã có nhiều hội nghị khoa học, công trình nghiên cứu, tìm hiểu, đánh giá về vương triều này ở trong nước cũng như nước ngoài.

Tồn tại trong gần một thế kỷ rưỡi, triều Nguyễn với những thành tựu đạt được trên nhiều lĩnh vực đã tạo cho mình những nét đặc trưng, trong đó văn hóa và sử học là những điểm nổi bật nhất. Giáo sư Trần Văn Giàu nhận định: "Không có thời kỳ nào, văn hóa phát triển như thời Nguyễn. Tám mươi năm sách vở sáng tác bằng, thậm chí còn nhiều hơn mấy trăm năm trước. Những nhà tư tưởng của thời Nguyễn cao hơn những nhà tư tưởng trước. Có thể nói sự phát triển văn hóa dưới thời Nguyễn

tương đương với sự thống nhất của quốc gia. Sự thống nhất về chính trị thúc đẩy sự phát triển văn hóa rất nhiều. Đó là thành tích của triều Nguyễn"<sup>(1)</sup>; "Phải xác định rằng công tác sử học dưới triều Nguyễn đã được thực hiện kết quả, và đó là một đóng góp to lớn của triều Nguyễn vào đời sống văn hóa, nghiên cứu khoa học của nước nhà, mà đến tận ngày nay vẫn còn phát huy tác dụng tốt đẹp"<sup>(2)</sup>.

Giới nghiên cứu lịch sử khi đánh giá đóng góp to lớn trên lĩnh vực văn hóa - sử học của triều Nguyễn, đều phải nhắc đến Quốc sử quán - cơ quan biên soạn lịch sử của vương triều này.

---

(\*) Tiến sĩ, Viện Sử học.

(1) Trần Văn Giàu (1992), "Vài nhận xét về thời nhà Nguyễn", *Những vấn đề văn hóa xã hội thời Nguyễn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.18.

(2) Trần Văn Giàu (1992), "Vài nhận xét về thời nhà Nguyễn", *Những vấn đề văn hóa xã hội thời Nguyễn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.21.

Chúng ta đều biết các vua triều Nguyễn rất có ý thức coi trọng lịch sử. Gia Long là vị vua đầu tiên của triều Nguyễn, tuy bận trăm công ngàn việc để xây dựng, ổn định vương triều mới được khởi dựng, nhưng ông cũng chú ý ngay đến lịch sử, cho thành lập Sử cục vào năm 1811. Tháng 6 cùng năm 1811, Gia Long lại đưa ra việc biên soạn sách *Quốc triều thực lục*. Đây chính là tiền thân của bộ *Đại Nam thực lục* sau này. Sử chép: “Tân Mùi, Gia Long thứ 10 (1811), tháng 6... bàn soạn sách *Quốc triều thực lục*. Triệu Thị trung Học sĩ là Phạm Thích, Đốc học Sơn Nam thượng là Nguyễn Đương, Đốc học Hoài Đức là Trần Toàn về Kinh, sung chức Biên tu ở Sử cục. Lại thấy Lê Duy Thanh là người Duyên Hà có văn học, cũng triệu về Kinh, rồi cho chức Đông các Học sĩ<sup>(3)</sup>. Tiếp theo, triều đình lại ban ra Chiếu chỉ để các địa phương trong toàn quốc thu thập, sưu tầm các thư tịch cũ, điển tích để phục vụ cho việc viết *Quốc triều thực lục*<sup>(4)</sup>. Tháng 12 năm 1811, Gia Long sau khi duyệt xem Bản Phàm lệ soạn sử do Thị trung Học sĩ Vũ Trinh soạn thảo đã cử “Nguyễn Văn Thành giữ chức Tổng tài, Phạm Như Đăng làm Phó<sup>(5)</sup>”.

Sử cục triều Gia Long tuy ra đời, nhưng cơ cấu tổ chức, số lượng nhân sự còn chưa hoàn thiện, vì vậy hoạt động biên soạn sử học vẫn chưa được đẩy mạnh. Chúng ta cần ghi nhận những thành tựu ban đầu của cơ quan này, chỉ trong vòng hơn 1 năm rưỡi (từ đầu năm 1811 đến tháng 7 năm 1812) đã biên

soạn thành công bộ *Hoàng Việt luật lệ* thường gọi là *bộ luật Gia Long* gồm 22 quyển, 398 điều, được đưa ra thi hành vào tháng 8 năm 1815<sup>(6)</sup>.

Minh Mệnh lên ngôi, kế thừa di chí của vua cha, tháng 5 năm 1820 đã cho lập Quốc sử quán. Minh Mệnh nhấn mạnh tình hình thực tế dưới triều Gia Long: “*Hoàng khảo Thế tổ Cao Hoàng đế ta (chỉ vua Gia Long)... nghĩ tìm thực lục, nhưng muôn việc nên không kịp làm, sử chức vẫn còn bỏ thiếu*”<sup>(7)</sup>. Quốc sử quán ra đời nhằm đáp ứng yêu cầu bức thiết trong giai đoạn xây dựng và củng cố chính quyền họ Nguyễn. “Triều Nguyễn ngay từ khi lên cầm quyền (1802) đã chú trọng tới công việc viết sử, xem sử học là vũ khí văn hóa quan trọng góp phần ổn định và củng cố lòng

<sup>(3)</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.816.

<sup>(4)</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.816-817.

<sup>(5)</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, tập 1, Nxb Giáo dục Hà Nội, tr.828. Bộ *Hoàng Việt luật lệ* đã được Viện Sử học cho công bố vào năm 2009, cùng với bộ *Quốc triều hình luật* (tức bộ luật Hồng Đức triều Lê Thánh Tông) là hai bộ cổ luật duy nhất còn lại đến nay của các triều đại phong kiến Việt Nam. Xem thêm: Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Sử học (2009), *Cổ luật Việt Nam: Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

<sup>(6)</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, tập 1, Nxb Giáo dục Hà Nội, tr.807, 842, 905.

<sup>(7)</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn (2004), *Đại Nam thực lục*, tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.63.

người sau một thời kỳ nội chiến kéo dài, trên cơ sở đó củng cố vai trò và uy thế của dòng họ"<sup>(8)</sup>.

Sử học là một công cụ tôn vinh dòng họ Nguyễn, khẳng định tính "chính thống" của triều Nguyễn, tạo ra tiền đề để vương triều Nguyễn thống trị đất nước. Mặt khác, triều Nguyễn muốn đưa sử học thành cầu nối để cố kết chặt chẽ với tầng lớp Nho học, đặc biệt là những cựu thần triều Lê đang có tư tưởng "hoài Lê" chống đối lại triều Nguyễn, nhằm sử dụng họ trở thành nhân tố nòng cốt xây dựng bộ máy nhà nước quân chủ chuyên chế.

Quốc sử quán được thành lập dưới triều Minh Mệnh năm 1820<sup>(9)</sup> và tiếp tục hoàn thiện vào các triều Thiệu Trị, Tự Đức. Đúng tròn 01 năm sau khi được thành lập, vào tháng 5 năm 1821, Minh Mệnh lệnh cho Sử thần trong Quốc sử quán biên soạn bộ sách *Đại Nam thực lục phần Tiền biên*. Sử chép: "Sai quan soạn sách *Liệt thánh thực lục* (tức là bộ *Đại Nam thực lục tiền biên*). Vua rất để ý việc soạn thuật"<sup>(10)</sup>. Sách *Liệt thánh thực lục* gồm 13 quyển viết về giai đoạn lịch sử của 9 chúa Nguyễn bao gồm 220 năm, bắt đầu từ Thái tổ Gia Dụ hoàng đế (Nguyễn Hoàng) vào trấn thủ Thuận Hóa năm Mậu Ngọ (1558) đến năm Duệ Tông Hiếu Định hoàng đế (Nguyễn Phú Thuận hay Nguyễn Phúc Hân) mất (1777).

Bộ *Đại Nam thực lục phần Chính biên* gồm 7 kỷ, 502 quyển, lần lượt được biên soạn dưới các triều Minh Mệnh

(1820-1840), Thiệu Trị (1841-1847), Tự Đức (1848-1883)... và cuối cùng là triều Bảo Đại (1926-1945). Nội dung bắt đầu từ giai đoạn Nguyễn Ánh đánh nhau với triều Tây Sơn (1778-1892) cho đến hết triều vua Khải Định năm 1925. Bản dịch *Đại Nam thực lục* của Viện Sử học công bố từ năm 1962 đến 1978 (trong vòng 16 năm) xuất bản thành 38 tập, đến năm 2004 - 2007 được sửa chữa, tái bản in thành 10 tập. Nội dung gồm *Đại Nam thực lục tiền biên* và *Đại Nam thực lục chính biên* từ *đệ nhất kỷ đến đệ lục kỷ* (tức là từ năm 1558 đến năm 1888, thời gian kéo dài 330 năm) gồm 463 quyển<sup>(11)</sup>. Như vậy còn lại *Đệ lục kỷ phụ*

<sup>(8)</sup> Đinh Xuân Lâm (1992), "Vũ Phạm Khải, nhà sử học yêu nước có quan điểm tiên bộ", *Kỷ yếu Hội nghị tưởng niệm danh nhân Vũ Phạm Khải (1872-1992)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

<sup>(9)</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn (2004), *Đại Nam thực lục*, tập 2, Nxb Giáo dục Hà Nội, tr.66.

<sup>(10)</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn (2004), *Đại Nam thực lục*, tập 2, Nxb Giáo dục Hà Nội, tr.133.

<sup>(11)</sup> Chúng tôi không rõ căn cứ vào đâu, học giả Trần Văn Giáp trong sách *"Tìm hiểu kho sách Hán Nôm nguồn tư liệu văn học, sử học Việt Nam"* khi giới thiệu về bộ *Đại Nam thực lục* lại viết rằng, bộ sách này gồm 560 quyển (tr.129). Chúng tôi đã trực tiếp thống kê theo 6 Kỷ của *Đại nam thực lục* do chính Trần Văn Giáp cung cấp và qua bản chữ Hán, bản dịch, tổng cộng cũng chỉ có được 463 quyển. Nếu cộng thêm cả *Đệ lục kỷ phụ biên* (29 quyển) và *Đệ thất kỷ chính biên* (10 quyển) đang ở dạng bản thảo chữ Hán chép tay thì tổng cộng cũng chỉ có 502 quyển. Có lẽ học giả Trần Văn Giáp đã viết nhầm từ 502 quyển thành 560 quyển. Các tác giả sau này khi sử dụng tư liệu của sách trên, đã không kiểm tra lại mà vẫn để nguyên tổng số 560 quyển. Nhân đây xin được đính chính lại (NHT).

biên<sup>(12)</sup> viết về giai đoạn vua Thành Thái (từ tháng 1-1889 đến 7-1907) và vua Duy Tân (tháng 7-1907 đến tháng 3-1916) và *Đệ thất kỷ chính biên* viết về triều Khải Định (1916-1925) chưa được công bố, mới còn dạng bản thảo viết tay đang lưu trữ tại nước Pháp.

Tuy chưa được xuất bản toàn bộ bản dịch tiếng Việt, nhưng *Đại Nam thực lục* (gồm hai phần *Tiền biên* và *Chính biên* do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn) đã thu tóm được lịch sử của đất nước trong 367 năm, bắt đầu từ chúa Nguyễn Hoàng vào Nam dựng nghiệp đến hết triều vua Khải Định (1916-1925) được thể hiện trên 502 quyển của bộ sách. Thời gian biên soạn kéo dài tới 117 năm, từ khi bắt đầu biên soạn bộ *Liệt Thánh thực lục* năm Minh Mệnh 2 (1821) đến lúc hoàn thành *Đệ thất kỷ chính biên* vào năm Bảo Đại 13 (1938). Nếu tính từ khi Gia Long lệnh soạn *Đại Nam thực lục* năm 1811, thì bộ sách trên phải mất 127 năm biên soạn. Đây là một công trình sử học viết bằng chữ Hán đồ sộ nhất, tốn kém nhất, huy động số lượng nhân sự nhiều nhất và mất nhiều thời gian biên soạn nhất so với các công trình khác của Quốc sử quán triều Nguyễn.

Ngoài ra, Quốc Sử quán còn biên soạn *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (gọi tắt là *Cương mục*) dưới sự chỉ đạo trực tiếp của vua Tự Đức (1848-1883). Bộ sách này ghi chép lại toàn bộ diễn biến của lịch sử Việt Nam từ thời Hùng vương dựng nước cho đến

cuối thế kỷ XVIII (năm 1789). Các bộ sách *Đại Nam liệt truyện* (*Tiền biên* và *Chính biên*), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên*, *Minh Mệnh chính yếu*, *Đồng Khánh*, *Khải định chính yếu*, cùng các bộ Địa chí lịch sử như *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, *Đại Nam nhất thống chí* (triều Tự Đức), *Đại Nam nhất thống chí* (triều Duy Tân), *Đồng Khánh địa dư chí lược*... đều do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn.

Có thể khẳng định, với 125 năm tồn tại (1820-1945), Quốc sử quán triều Nguyễn đã đạt được những thành tựu lớn lao, đóng góp tích cực cho nền sử học Việt Nam trong cả quá khứ lẫn hiện tại và tương lai. Quốc sử quán đã để lại những công trình sử học và địa lý đồ sộ, có giá trị khoa học to lớn. Sự ra đời của Quốc sử quán triều Nguyễn đánh dấu một bước tiến quan trọng trong lịch sử sử học Việt Nam thời phong kiến.

## **2. Cao Xuân Dục với trọng chức Tổng tài Quốc sử quán**

Cao Xuân Dục tên tự là Tử Phát, hiệu là Long Cương, sinh năm 1842 ở xã Thịnh Khánh (sau đổi là Thịnh Mỹ), huyện Đông Thành (nay là Diên Châu), tỉnh Nghệ An, mất ngày 21 tháng 4 năm Quý Hợi (tức 5/8/1923), hưởng thọ 81 tuổi. Cao Xuân Dục nổi tiếng thông minh từ nhỏ, khi theo học được thầy dạy

<sup>(12)</sup> Gần đây, Cao Tự Thanh đã cho công bố bản dịch *Đại Nam thực lục Đệ lục kỷ phụ biên* (do Nhà xuất bản Văn hóa Văn nghệ ấn hành, Tp.Hồ Chí Minh, 2011).

yêu mến, gả cho con gái. Nhưng về đường khoa cử, Cao Xuân Dục lại khá lận đận, muộn màng, mãi đến năm ông 34 tuổi (1876) mới đỗ Cử nhân, năm sau đi thi Hội lại bị trượt. Từ sau đó trở đi, Cao Xuân Dục không tiếp tục con đường cử tử nữa, mà bước chân vào chính trường với chức quan đầu tiên là Hậu bổ Quảng Ngãi. Sau đó ông lần lượt thăng trải các chức vụ: từ Tri huyện đến Hàn lâm viện Biên tu, được điều về Kinh đô Huế làm việc tại bộ Hình, Nha Thương bạc năm 1882, được cử vào Phái bộ Trần Đình Túc ra Hà Nội thương thuyết với quân Pháp đang chiếm đóng Bắc Kỳ; tiếp theo, lại giữ chức Án sát, Bộ chánh tỉnh Hà Nội, Hải phòng sứ Hải Dương, Tuần phủ Hưng Yên, Tổng đốc Sơn Hưng Tuyên, Thự hiệp biện Đại học sĩ, Tổng tài Quốc sử quán, Thượng thư Bộ Học, Phủ chính Đại thần... Năm 1908, ông được phong hàm Thái tử Thiếu bảo và đến năm 1909 được thăng tước An Xuân tử. Năm 1913 ông xin về hưu với hàm Đông các Đại học sĩ.

Có thể nhận thấy con đường quan chức của Cao Xuân Dục khá hanh thông và hiển đạt, lý do chính xuất phát từ năng lực bản thân cùng tinh thần tận tâm trong công việc của ông đã thuyết phục các vị quan bề trên và nhận được sự cảm tình quý mến của những bạn đồng liêu trong triều. Trong quá trình làm quan, nhiều lần ông đã được sự trọng dụng tín nhiệm của các đại thần ở địa phương như Bộ chánh Trà Quý Bình, Tuần phủ Đoàn Khắc Nhượng và

sau này là các trọng thần trong triều như Khâm sai Đại thần Trần Đình Túc...

Vào năm Thành Thái thứ 9 (năm 1898), Cao Xuân Dục vui mừng khi được vua Thành Thái ban Chỉ dụ giữ chức Hiệp biện Đại học sĩ và sung làm Phó Tổng tài Quốc Sử quán<sup>(13)</sup>. Ông đã làm Bài biểu tạ đội ơn thực thụ Hiệp biện sung Sử quán *Mông thực thụ Hiệp biện sung Sử quán tạ biểu*, trong đó Cao Xuân Dục cho biết mình được triều đình sắp xếp vào hàng ngũ Sử quan với chức trách quản lý biên soạn lịch sử: *Phù*

<sup>(13)</sup> Có nhiều tác giả cho rằng vào năm 1898, Cao Xuân Dục đã được nhận chức Tổng tài Quốc sử quán (ngay trong nguyên chú *Biểu tạ đội ơn thực thụ Hiệp biện sung Sử quán*, Cao Xuân Dục cũng ghi: Phụng mệnh sung làm Tổng tài ở Quốc Sử quán). Trong bộ *Đại Nam thực lục Chính biên đệ ngũ kỷ*, phần lời Tâu của Tổng tài và Toàn tu Quốc sử quán (năm 1900) cùng phần Danh sách tên và chức tước Tổng tài, Phó Tổng tài (1902) có chép: Tổng tài là Thái tử Thiếu phó, Đông các Đại học sĩ sung Kinh diên giảng quan, kiêm quản Quốc tử giám Trương Quang Đản. Phó Tổng tài có 3 người là: Nguyễn Thuật, Hoàng Hữu Xứng và Hiệp biện Đại học sĩ, kiêm quản Quốc tử giám, tước An Xuân nam Cao Xuân Dục. Như vậy, theo chúng tôi, vào năm 1898 Cao Xuân Dục mới chỉ chính thức (thực thụ) được giữ chức Hiệp biện Đại học sĩ và được sung làm Quốc sử quán Phó Tổng tài, đến năm 1902 mới được ban Quốc sử quán Tổng tài để chỉ đạo biên soạn *Đại Nam thực lục Chính biên đệ lục kỷ* (năm 1902), và sau này là các bộ *Đại Nam nhất thống chí* (năm 1906), *Quốc triều sử toát yếu* (*Tiền biên* và *Chính biên*) (năm 1908)... Chúng tôi không rõ phần nguyên chú về Quốc sử quán Tổng tài vốn có phải của Cao Xuân Dục hay đã chép thiếu hoặc được chỉnh sửa từ Phó Tổng tài thành Tổng tài, xin được đưa ra như một nghi vấn (NHT).

*danh liệt Sử quan, chức tư Sử ký*<sup>(14)</sup>.

Chính vì đã xác định được chỗ đứng và trách nhiệm trong vương triều, cho nên Cao Xuân Dục đưa ra tiêu chí chung của một Sử quan cần có nếu muốn theo đuổi sự nghiệp biên soạn lịch sử:

Muốn suốt đời gắn bó phải có đủ tam trường,

Không bao quát Sử, Kinh lấy gì thông kim cổ<sup>(15)</sup>.

Ông khiêm tốn tự nhận mình là một người không có tài học thông kim bác cổ, sợ rằng chức vụ cao mà không làm được việc gì sẽ phải xấu hổ với bạn đồng liêu. Ông đau đầu suy tư bản thân chưa có công trạng trong biên soạn sử, nguyện sẽ hết lòng phấn đấu với chức trách mới này: *Mỗi vị sử thanh vô trạng đồ giải dĩ cùng niên*, nghĩa là: Một niềm nghĩ làm sử chưa có công tích gì, phải cần cù chăm chỉ quanh năm<sup>(16)</sup>.

Quá trình 10 năm tại Quốc sử quán, có lẽ là thời gian mà Cao Xuân Dục đặc ý nhất trong cuộc đời làm quan của mình. Vì vậy, trong bản Tấu xin về trí sĩ, ông rất tự hào với những năm tháng được tham gia biên soạn Quốc sử. Ông cảm thấy mãn nguyện khi viết ra những dòng tâm huyết của một đại thần từng giữ chức Tổng tài Quốc sử quán đã làm trọn chức trách, tận tâm với công việc biên soạn, chủ trì nhiều bộ sử triều Nguyễn: “Đến năm Thành Thái thứ 9 (1898), được đội ơn thuyên chuyển về Kinh. Ở Quốc sử quán trong 10 năm giữ việc văn chương bút mực. May sao biên soạn xong được 3 Kỳ: *Đệ Tứ, Đệ Ngũ*

và *Đệ Lục* của bộ *Chính biên* (tức là *Đại Nam thực lục* chính biên *Đệ Tứ kỷ, Đệ Ngũ kỷ và Đệ Lục kỷ*), rồi sau đó *Chính biên Liệt truyện* (tức *Đại Nam Chính biên Liệt truyện*), *Đại Nam nhất thống chí* lần lượt thành sách đệ dâng tiến lẫm. Hoàn thành xong những bộ sử này thì mái đầu đã thêm nhiều tóc bạc”<sup>(17)</sup>.

Tuy mang một tinh thần nhiệt thành với công việc biên soạn lịch sử như vậy, song Cao Xuân Dục cũng gặp không ít trở ngại trong quá trình làm việc tại Quốc sử quán. Chúng ta đều biết, Cao Xuân Dục tham gia chính sự vào thời kỳ quân Pháp đang tiến hành xâm lược nước ta, từng bước ép buộc triều Nguyễn phải nhường quyền quản lý toàn bộ lãnh thổ quốc gia, Việt Nam đang dần trở thành thuộc địa của thực dân Pháp. Vì vậy, hoạt động sử học của Quốc sử quán cũng bị những quy định khống chế chặt chẽ trên nhiều lĩnh vực chính trị, kinh tế của triều Nguyễn đương thời. Điều này được thể hiện rất rõ trong các bộ sách do Quốc sử quán chủ trì thời kỳ này, như *Đại Nam thực lục* phần *Đệ lục kỷ chính biên, Đệ lục kỷ phụ biên* và *Đệ thất kỷ chính biên* hay *Đồng Khánh dư địa chí*... Nội dung của bộ địa chí được biên soạn dưới triều vua Đồng Khánh đề cập đến Bắc Kỳ và Trung Kỳ (từ Cao Bằng đến Bình

<sup>(14)</sup> Cao Xuân Dục, *Long Cương văn tập*, nguyên văn chữ Hán, tr. 409.

<sup>(15)</sup> Cao Xuân Dục, *Long Cương văn tập*, tr. 146.

<sup>(16)</sup> Cao Xuân Dục, *Long Cương văn tập*, tr. 147.

<sup>(17)</sup> Cao Xuân Dục, *Long Cương văn tập*, tr. 151.

Thuận), mà không hề đề cập đến vùng đất phía nam, vì lúc này Nam Kỳ đang thuộc quyền cai trị của thực dân Pháp.

*Đại Nam thực lục đệ lục kỷ chính biên* do Cao Xuân Dục làm Tổng tài viết về thời kỳ vua Hàm Nghi (1885) và vua Đồng Khánh (1886-1888) cũng không tránh khỏi sự hạn chế bởi thời cuộc khi biên soạn nội dung của bộ sách. Phần *Phàm lệ* của kỷ này được các Sử quan phụ trách Quốc sử quán viết rõ nguyên tắc biên soạn chính: "Nay chép từ ngày 10 tháng 8 năm Hàm Nghi nguyên niên (1885) đến cuối tháng 12 năm Đồng Khánh thứ 3 (1888), phàm liên quan đến tất cả chính sự, chế độ, có điều gì mới định, hoặc thay đổi... phải chép ở tiết đầu thì hết thảy phỏng theo cách chép ở hai kỷ đệ tứ, đệ ngũ mà chép"<sup>(18)</sup>. Nhưng ngay đoạn văn dưới lại cho biết nguyên nhân việc bổ sung thêm năm dương lịch và giữ nguyên niên hiệu triều Thanh như sau: "Các kỷ trở về trước (tức Tiền biên đến đệ ngũ kỷ), dưới chỗ biên năm đều có chua niên hiệu nhà Đại Thanh, để cho liên quan với nhau. Nay chép,... năm Hàm Nghi nguyên niên trở về sau, sự thể so với kỷ trước khác hẳn, nước ta cùng với nước Đại Thanh không quan thiệp nữa. Duy chỉ cùng nước Pháp chính là quan thiết. Nhưng nước Đại Thanh cũng là nước lớn ở phương Đông, lại cùng nước ta liền nhau, nên hãy còn chép như cũ, để biết các đời. Còn dưới chỗ biên năm ấy, trước hết chua Tây giáng sinh mấy năm, sau đến niên hiệu Đại Thanh năm thứ mấy, đó là

tùy thời mà đổi lệ"<sup>(19)</sup>.

Sự can thiệp sâu hơn của thực dân Pháp trong những năm đầu thế kỷ XX đối với hoạt động của Quốc sử quán được minh chứng bằng các công trình của Quốc sử quán biên soạn trong giai đoạn này. Bộ *Đại Nam nhất thống chí* do Cao Xuân Dục làm Tổng tài được viết trong thời vua Duy Tân (1907-1916) chỉ viết về các tỉnh thuộc Trung Kỳ, còn Nam Kỳ và Bắc Kỳ thuộc phạm vi thực dân Pháp quản lý nên không đưa vào.

Nội dung của *Đệ lục kỷ phụ biên* và đặc biệt là *Đệ thất kỷ chính biên* chủ yếu tập trung viết về quan hệ giữa triều đình Huế với thực dân Pháp, đại diện là Toàn quyền, Thống sứ... Phần quan hệ với triều Thanh, Trung Quốc không được đề cập, thậm chí niên hiệu của các vua triều Thanh cũng không được ghi bên dưới nữa. Điều 6 phần *Phàm lệ* của *Đệ thất kỷ chính biên* quy định nhằm đề cao hơn vai trò của nước Pháp, mỗi khi có sự kiện liên quan đến nhà vua, cùng các nhân vật trọng yếu của nước Pháp đều cho phép được viết dài (tức là viết cao lên so với các dòng chữ thường khác)<sup>(20)</sup>. Điều 7 *Phàm lệ* bổ sung việc viết nguyên ngữ Pháp văn bên dưới chữ Hán phiên âm: "Nếu gặp tên người, tên

<sup>(18)</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 9, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.163.

<sup>(19)</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 9, Nxb Giáo dục Hà Nội, tr.163.

<sup>(20)</sup> *Đại Nam thực lục chính biên, đệ thất kỷ chính biên*, Ký hiệu VIET/A HIST.10.(1), Bản viết tay chữ Hán, bản scan lưu tại Viện Sử học, tờ 3a.

đất của nước Đại Pháp đã dùng chữ Hán để viết như Toàn quyền Ba Lãng, Khâm sứ Lê Phong, tên đất như Ba Lê, Li Ông, nay xin chú thêm nguyên chữ Pháp ở dưới để tiện tra cứu<sup>(21)</sup>. Cho nên khi đọc bản chữ Hán viết tay viết về triều Khải Định (1916-1925), chúng ta bắt gặp không ít các Sứ thần của Quốc sử quán chú thêm nguyên chữ Pháp bằng bút mực. Thí dụ: viên Khâm sứ tại Kinh thành phiên âm chữ Hán là Sa Lê, chú bên dưới là Charles, Khâm sứ đại thần phiên âm chữ Hán là Lô Mạc San, bên dưới chú là Le Marchant de Trigon<sup>(22)</sup>.

Đương thời, tầng lớp Nho học của triều Nguyễn đã có ý thức rút gọn các bộ sách của Quốc sử quán như *Cương mục*, *Đại Nam thực lục*, *Đại Nam nhất thống chí*..., tạo thuận tiện cho những ai muốn nghiên cứu và đọc hiểu lịch sử dân tộc và triều Nguyễn. Vì vậy, đã có nhiều tác phẩm được xuất hiện như: *Việt sử thông giám khảo lược* của Nguyễn Thông, *Khâm định Việt sử cương mục tập yếu* của Nguyễn Sư Hoàng, *Việt sử địa dư* của Phan Đình Phùng, *Việt sử cương mục tiết yếu* của Đặng Xuân Bảng<sup>(23)</sup>. Tất cả các sách trên đều dựa vào *Khâm định Việt sử thông giám Cương mục* để giản lược, giải thích rõ thêm từng lĩnh vực được phản ánh trong *Cương mục*, nhằm mục đích có thể đưa bộ sách phổ cập tới nhiều người, cho nên được xếp vào những tác phẩm thuộc hệ phái của *Cương mục*<sup>(24)</sup>.

Sau khi được giữ chức vụ Phó Tổng tài Quốc sử quán năm 1898, Cao Xuân

Dục đã cùng với các Sứ thần triều Nguyễn tham gia biên soạn *Đệ tứ kỷ*, *Đệ ngũ kỷ* của bộ *Đại Nam thực lục*. Phần *Tiền biên* đến *Chính biên đệ tam kỷ* đã được khắc in năm 1879, đến năm 1899 lại chuẩn bị in khắc *Đệ tứ kỷ*. Trước thực trạng các bản in ra từ trước vẫn được cất giữ cẩn thận trong kho kín của triều đình, không cho phép người ngoài vào sao chép, năm 1899, Cao Xuân Dục đã làm một bản Tâu xin được truyền bá rộng rãi bộ sách này (*Nghĩ thỉnh công truyền Thực lục*)<sup>(25)</sup>, trong đó ông cho biết, ngay đến bản thân đương là đại thần giữ trọng chức Phó Tổng tài mà "thần cũng chưa dám tự tiện đem đọc, từ đó thì biết hạng thần dân khác tất làm sao mà tới sự nghiệp thành tựu sáng ngời đó được"<sup>(26)</sup>. Ông cũng có nguyện vọng được sao chép một bản để làm "gia bảo"<sup>(27)</sup>.

Vào năm Thành Thái 16 (1904), *Đại Nam thực lục đệ lục kỷ chính biên* được hoàn thành, Tổng tài Cao Xuân Dục cùng các đại thần Quốc sử quán đã trình

<sup>(21)</sup> *Sđđ*, tờ 3b.

<sup>(22)</sup> *Sđđ*, tr. 34.

<sup>(23)</sup> Nguyễn Hữu Tâm (2011), "Quan điểm sử học của Đặng Xuân Bảng qua bộ Việt sử cương mục tiết yếu", Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 4.

<sup>(24)</sup> Nguyễn Hữu Tâm (2010), "Khiếu Năng Tĩnh - người viết bài Tựa sách Khâm định Việt sử cương mục tập yếu", Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 2 (406), tr. 28-35.

<sup>(25)</sup> Cao Xuân Dục, *Long Cương văn tập*, nguyên văn chữ Hán, tr. 317-318.

<sup>(26)</sup> Cao Xuân Dục, *Long Cương văn tập*, tr.42-43.

<sup>(27)</sup> Cao Xuân Dục, *Long Cương văn tập*, tr.43.



tâu nhà vua ngự lãm, đến năm Duy Tân thứ ba (1909) được khắc in. Như vậy, *Đại Nam thực lục* từ *Tiền biên* đến *Đệ lục kỷ chính biên* đã được in khắc xong vào năm 1909. Bản dịch toàn bộ phần này được Viện Sử học cho công bố mà chúng tôi đã trình bày ở phần trên. Số lượng 463 quyển chữ Hán của bộ sách đã khiến cho việc lưu truyền rộng rãi trong hệ thống quan lại triều Nguyễn cũng đã vô cùng khó khăn. Người dân muốn tìm đọc để hiểu nội dung của bộ sách cũng gần như không tưởng.

Năm 1908, triều đình giao cho Cao Xuân Dục, đứng đầu nhóm biên soạn trong Tu thư cục tiến hành rút gọn bộ *Đại Nam thực lục* (từ *Tiền biên* đến *đệ lục kỷ chính biên*) theo ý chỉ của vua Duy Tân. Bộ sách này được mang tên *Quốc triều sử toát yếu* gồm 7 quyển chia thành 2 phần: *Quốc triều Tiền biên toát yếu* (1 quyển) và *Quốc triều Chính biên toát yếu* (6 quyển). Mục đích của việc biên soạn sách *Toát yếu* cũng nhằm công bố cho đông đảo người đọc có thể tiếp cận được bộ sử tóm tắt của triều Nguyễn. Sách *Quốc triều sử toát yếu* do Tổng tài Quốc sử quán Cao Xuân Dục soạn vào năm Duy Tân 2 (1908) là tóm lược của bộ *Đại Nam Thực Lục (Tiền biên, Chính biên)* từ năm 1558 đến khi Thành Thái lên ngôi năm 1889.

Nội dung của phần *Tiền biên toát yếu* (1 quyển) lược biên các sự kiện chủ yếu trong *Đại Nam thực lục tiền biên* (12 quyển) viết về 9 đời chúa Nguyễn, từ chúa Nguyễn Hoàng đến Nguyễn Phúc

Thuần, tức từ năm 1558 đến năm 1777.

*Phần Chính biên toát yếu* (6 quyển) được chia ra như sau:

Quyển I: Lược biên từ lúc Nguyễn Ánh khởi binh ở Gia Định năm 1778 đến 1801 (tức là giai đoạn trước khi vua Gia Long lên ngôi).

Quyển II: Lược biên triều vua Gia Long (1802-1820).

Quyển III: Lược biên triều vua Minh Mệnh (1820-1840).

Quyển IV: Lược biên triều vua Thiệu Trị (1841-1847).

Quyển V: Lược biên triều vua Tự Đức (1848-1883).

Quyển VI: Lược biên các triều vua Hiệp Hòa (1883), Kiến Phúc (1883-1884), Hàm Nghi (1884-1885), Đồng Khánh (1886-1888)<sup>(28)</sup>.

Theo thống kê của giới nghiên cứu, bộ *Đại Nam thực lục* (gồm *Tiền biên* và *Chính biên* đến *Đệ lục kỷ*) có 463 quyển, gồm 26.534 tờ<sup>(29)</sup>, mỗi tờ gồm 9 dòng, mỗi dòng khoảng 21 chữ Hán, tổng cộng ước 5.014.026 chữ Hán, bản

<sup>(28)</sup> Tác giả Chương Thâu đã nhầm khi viết “*Quyển VI: việc từ Hiệp Hòa đến khi Khải Định mất, Thành Thái lên ngôi 1889*”. Thực ra năm 1888 vua Đồng Khánh mất, chứ không phải là vua Khải Định mất. Xem thêm: Chương Thâu Tổng tài Cao Xuân Dục và bộ sách *Quốc triều Chính biên toát yếu*, Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 2, 1998, tr.36.

<sup>(29)</sup> Lưu Xuân Ngân-Vương Tiểu Thuần-Trần Nghĩa chủ biên (2002), *Việt Nam Hán Nôm văn hiến mục lục đề yếu*, Thượng sách, Sở nghiên cứu Văn Triết thuộc Viện nghiên cứu Trung Ương Đài Loan xuất bản, tr.33. (Trung văn).

dịch ra tiếng Việt (chỉ tính 9 tập chính văn (Tập 1-9) không kể 1 tập sách dẫn (Tập 10) cũng có đến 8.500 trang, tổng cộng là 5.168.000 chữ. Với số lượng hàng vạn trang chữ Hán như trên, nhóm biên soạn Tu thư cục do Tổng tài Cao Xuân Dục chủ trì nỗ lực tiến hành viết thành một bộ sách giản lược 7 quyển, tổng cộng 541 tờ, tờ 2 trang, trang 8 dòng, chữ Hán viết chân phương rõ ràng. Một bộ sử rút gọn bằng gần 1/50 bản chính mà vẫn phản ánh được những nội dung chủ yếu cần thể hiện, đây thực sự là một kỳ công của nhóm biên soạn<sup>(30)</sup>. *Quốc triều sử toát yếu* nhằm mục đích rút gọn, phổ thông, dùng làm giáo trình lịch sử triều Nguyễn để cho học trò đi thi, tuy vậy cũng vẫn được viết theo thứ tự niên đại. Vì vậy, học giả Trần Văn Giáp cho rằng: "Bộ sử này là bộ sử tiếp theo bộ (*Khâm định*) *Việt sử thông giám cương mục*"<sup>(31)</sup>.

Ngoài 02 bộ sách trên do Cao Xuân Dục chủ trì trong thời gian giữ chức Tổng tài Quốc sử quán, ông còn chủ biên các bộ sách khác như *Đại Nam liệt truyện chính biên*, *Đại Nam nhất thống chí*, *Quốc triều hương khoa*<sup>(32)</sup>.

Quả thật, phân biệt rạch ròi những phần nào do chính Cao Xuân Dục trực tác trong những bộ sách mà ông giữ trọng trách Tổng tài là một điều vô cùng khó khăn và chắc chắn không thể thực hiện được. Chỉ biết rằng Tổng tài không chỉ là người đứng đầu cơ quan biên soạn lịch sử của triều đình, phụ trách toàn bộ quá trình biên soạn một công trình quốc

gia mà còn phải trực tiếp chỉ đạo từ giai đoạn sưu tầm tư liệu đến khi bản thảo lần cuối để trình vua ngự lãm, phê duyệt (Khâm định). Vì vậy, Tổng tài có quan hệ mật thiết đối với toàn bộ đội ngũ biên tập như Toàn tu, Biên tu, Khảo hiệu, Thư thủ... Tổng tài cùng với Phó Tổng tài, Toàn tu hợp thành Hội đồng chỉ đạo trực tiếp biên soạn Quốc sử. Có thể khẳng định dấu ấn của Tổng tài được lưu lại trên từng trang viết của bộ sử. Cho nên, vai trò của Tổng tài rất quan trọng, có một tác dụng không nhỏ trong quá trình chuẩn bị tư liệu, xây dựng Đề cương, Phạm lệ, biên soạn bản thảo, sửa chữa, bổ sung, hoàn chỉnh. Tổng tài là những đại thần có phẩm hàm cao, xuất thân từ những người đỗ thứ bậc cao trong các kỳ thi Hội, thi Đình, có thâm niên công tác, đạo đức, uy tín, được các quan trong triều nể trọng. Khi lựa chọn người giữ chức Tổng tài ở các triều đại Việt Nam hay Trung Quốc, đều phải do đương kim Hoàng đế trực tiếp xem xét, bổ dụng.

Tổng tài Quốc sử quán triều Nguyễn thường là những đại thần hàm Nhất phẩm kiêm nhiệm. Thí dụ như: Phan

<sup>(30)</sup> Chương Thâu (1998), Tổng tài Cao Xuân Dục và bộ sách *Quốc triều Chính biên toát yếu*, Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 2, tr. 33-40.

<sup>(31)</sup> Trần Văn Giáp (1970), *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm nguồn tư liệu văn học, sử học Việt Nam*, tập 1, Thư viện Quốc gia xuất bản, Hà Nội, tr.259.

<sup>(32)</sup> Trần Văn Giáp, *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm nguồn tư liệu văn học, sử học Việt Nam*, tập 1, Thư viện Quốc gia xuất bản, Hà Nội, tr. 276.

Thanh Giản là Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Hộ bộ Thượng thư, kiêm lĩnh Quốc Tử Giám sung Cơ mật viện đại thần, Nguyễn Hữu Độ là Cản chính điện Đại học sĩ, sung Cơ mật viện Đại thần... Bản thân Cao Xuân Dục đương thời là Hiệp biện Đại học sĩ kiêm quản Quốc tử giám, tước An Xuân nam, hơn nữa, ông lại là một sử quan có thâm niên kinh nghiệm, từng là Toàn tu, rồi Phó Tổng tài tham gia biên soạn, chỉnh lý *Đệ tam kỷ*, *Đệ tứ kỷ* của *Đại Nam thực lục*. Cho nên, vua Tự Đức hoàn toàn tin tưởng ở năng lực, phẩm hạnh cùng lòng nhiệt tình trong việc làm sử của Cao Xuân Dục. Theo chúng tôi, ông được trao chức Tổng tài Quốc sử quán lúc độ tuổi hoa giáp (tròn 60 tuổi) vào năm 1902 (Xin xem thêm phân tích trong chú thích 13 của bài viết này - NHT).

Nội dung và cách thể hiện trong các tác phẩm mà Cao Xuân Dục với trách nhiệm Tổng tài cũng không thể vượt qua khuôn mẫu chung của triều đình phong kiến quy định và sự kiểm soát ngặt nghèo của phía Pháp. Tuy vậy, với cách điều hành khéo léo và phong cách viết riêng vẫn làm nổi bật tinh thần yêu nước, tôn trọng truyền thống dân tộc, lịch sử khách quan của người chủ biên và nhóm biên soạn. Chúng ta có thể đưa ra những minh chứng trong sách *Quốc triều sử toát yếu* phần viết về phong trào khởi nghĩa của nhân dân ta, các nhân vật lịch sử trong giai đoạn chống Pháp xâm lược (như Phan Đình Phùng, Nguyễn Cao, Nguyễn Tri Phương<sup>(33)</sup>).

*Quốc triều hương khoa lục*, "trên phương diện sử học... là một tác phẩm có giá trị đặc biệt, với ghi chép khá chính xác và có hệ thống về toàn bộ 47 khoa thi Hương triều Nguyễn bao gồm cả quy định, thể thức, kết quả thi cử lẫn danh sách cụ thể, tiểu sử vắn tắt của hơn 5.000 người đậu Cử nhân ở Việt Nam từ đầu thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX"<sup>(34)</sup>. Tác phẩm đó cũng đã có những trang, dòng viết thể hiện tình cảm đồng tình của chủ biên đối với những trí thức Nho học chống Pháp như Nguyễn Hữu Huân, Lê Trung Đình... hay với các chí sĩ yêu nước như Huỳnh Thúc Kháng, Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu...

Tất nhiên, những ghi chép đó có thể chưa thỏa mãn việc tìm hiểu sâu sắc về cuộc đời, sự nghiệp cũng như đánh giá khách quan về các nhân vật lịch sử từng đỗ đạt. Nhưng cũng không thể đòi hỏi một vị Tổng tài như Cao Xuân Dục sống trong bối cảnh lịch sử rối ren dưới thời đại phong kiến với sự kiểm soát gắt gao của chính quyền thuộc địa Pháp viết ra toàn bộ chân thật lịch sử được. Giới sử học nước nhà cần đánh giá cao thái độ tích cực bảo vệ truyền thống sử học một cách uyển chuyển, khôn khéo của Tổng tài Cao Xuân Dục.

<sup>(33)</sup> Chương Thâu (1998), "Tổng tài Cao Xuân Dục và bộ sách *Quốc triều Chính biên toát yếu*", Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 2, tr. 33-40.

<sup>(34)</sup> Cao Xuân Dục (1998), *Quốc triều hương khoa lục*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, tr.17. Nguyễn Thúy Nga, Nguyễn Thị Lâm dịch, Cao Tự Thanh hiệu đính và giới thiệu.

Sau một thời gian tham gia chính sự, Cao Xuân Dục làm bản Tấu trình xin về hưu trí (*Cẩn tấu vì tương trần khẩn trí sự*) dâng lên vua Duy Tân năm thứ 7 (1913). Ông tổng kết cuộc đời hoạn lộ trong 36 năm 6 tháng của mình với quá trình thăng trầm nhiều trọng chức tại các địa phương và trong triều. Bất kỳ ở một cương vị nào, ông cũng luôn nhắc nhở mình phải hoàn thành việc chăm lo dân chúng, tránh phạm vào những sai lầm lớn ảnh hưởng đến triều đình: "Đã nhiều phen ra Nam vào Bắc... Phụng sự trải mấy triều vua gửi gắm lo toan phương diện. Vào lúc đương thời, thời cuộc gian khó mà công việc lớn lao, trách nhiệm nặng nề mà tài hèn sức yếu. Nên trong khi ngăn chặn giặc dã, chăm sóc dân lành, chỉ giữ được mình không phạm lỗi lớn..."<sup>(35)</sup>.

Nếu trên phương diện quốc gia, Cao Xuân Dục là một "luơng thần" (bề tôi tài giỏi) phụng sự hết lòng cho vương triều Nguyễn, thì trong gia tộc, ông là một "nghiêm phụ" (người cha nghiêm khắc), là tấm gương tiêu biểu đã rèn giũa dạy dỗ, bồi dưỡng các em cùng các con cháu hiển đạt. Dòng họ Cao ở Diễn Châu là một danh gia vọng tộc nổi tiếng xứ Nghệ, với nhiều người thành danh trong quan trường và khoa cử, trong đó người khởi nguồn là Cao Xuân Dục<sup>(36)</sup>. Đặc biệt trên lĩnh vực sử học, ông cùng người con trai là Cao Xuân Tiểu đã góp phần đáng kể vào bộ *Đại Nam thực lục*. Cao Xuân Dục giữ vai trò Tổng tài phụ trách *Phần đệ lục kỷ chính biên*, thì Cao

Xuân Tiểu đương nhiệm Thượng thư cũng được sung vào đội ngũ sử quan với chức trách Toàn tu, tham gia biên soạn phần tiếp theo là *Đệ lục kỷ phụ biên*<sup>(37)</sup>.

Trong lịch sử sử học Việt Nam, hai cha con cùng làm Quốc sử cho một vương triều là điều hiếm thấy. Vào thời Lê - Trịnh có Nguyễn Hoàn và con trưởng là Nguyễn Sá đồng thời được cử vào biên tập sách *Quốc sử tục biên*. Sử chép: *Mùa thu năm Cảnh Hưng thứ 36 (1775), Chúa (Trịnh Sâm) sai làm Quốc sử, (vì) từ năm Vĩnh Trị thứ nhất (1676) về sau chưa có (Quốc sử) tục biên. Chúa bèn sai Nguyễn Hoàn, Lê Quý Đôn, Vũ Miên kiêm chức Tổng tài và các Nho thần làm Toàn tu: Ngô Thì Sĩ, Phạm Nguyễn Du, Ninh Tốn, Nguyễn Sá đều dự làm Quốc sử*<sup>(38)</sup>. Gia đình Cao Xuân Dục là trường hợp thứ hai "phụ tử kế thế" (cha con nối đời) dự vào đội ngũ Sử quan soạn Quốc sử. Đây cũng là niềm vinh dự lớn lao đáng tự hào của dòng họ Cao ở Diễn Châu, Nghệ An.

<sup>(35)</sup> Cao Xuân Dục (2012), *Long Cương văn tập*, Nxb Lao Động, Trung tâm văn hóa Đông Tây, Hà Nội, tr. 150-151, Nguyễn Văn Nguyên dịch, chú, (Xin cảm ơn gia đình ông Cao Xuân Trứ đã cung cấp tư liệu).

<sup>(36)</sup> Chương Thâu (2005), "Cao Xuân Dục, nhà văn hóa lớn thời cận đại", Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Diễn Châu, *1380 năm Diễn Châu (627-2007)*, Nghệ An, tr.255.

<sup>(37)</sup> *Đại Nam thực lục chính biên, Đệ lục kỷ phụ biên*, Ký hiệu VIET/A HIST.9.(1), Bản viết tay chữ Hán, bản scan lưu tại Viện Sử học, tờ 6b.

<sup>(38)</sup> *Đại Việt sử ký tục biên (1676 - 1789)* (1991), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 397.

